

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 24/WILMAR CLV/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên Doanh Nghiệp: **CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV**

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà CornerStone, số 16 phố Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 37669726

Fax: 024 37668923

E-mail: corporate@wilmar.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0104128741

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SỮA TIẾT TRÙNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH**

2. Thành phần: Sữa tươi (68 %), nước, đường, protein sữa, bột cacao (0,4 %), hương sô-cô-la tự nhiên, chất nhũ hóa (471), chất ổn định (407, 412).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 09 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: thể tích thực: 200 ml

- Chất liệu bao bì: sản phẩm đựng trong hộp giấy tráng thiếc.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Australia (Úc)

- Sản xuất bởi: Nature's Dairy Australia

- Địa chỉ: 25 Distribution Drive, Truganina, VIC, 3029, Australia.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Chúng tôi nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 05-1/2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà nội, Ngày 15 tháng 08 năm 2019
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



NGUYỄN THỊNH PHÚ
TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Yêu cầu an toàn thực phẩm

Các chỉ tiêu tự công bố bao gồm:

1.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	<i>L. Monocytogenes</i>	CFU/ml	100
2.	Enterobacteriaceae	CFU/ml	≤ 5 nếu số đơn vị mẫu c ≤ 2 ≤ 1

1.2. Hàm lượng kim loại nặng:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0,02
2.	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/kg	250

1.3. Hàm lượng độc tố vi nấm

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Aflatoxin M1	mcg/kg	0,5

1.4. Dự lượng thuốc thú y

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Benzylpenicilin/Procain benzylpenicilin	mcg/kg	4
2.	Clortetracyclin/Oxytetracyclin	mcg/kg	100
3.	Dihydrostreptomycin/Streptomycin	mcg/kg	200
4.	Gentamicin	mcg/kg	200
5.	Spiramycin	mcg/kg	200

1.5. Dự lượng thuốc bảo vệ thực vật

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Endosulfan	mg/kg	0,01
2.	Aldrin và dieldrin	mg/kg	0,006
3.	Cyfluthrin	mg/kg	0,04
4.	DDT	mg/kg	0,02

CHOCOLATE UHT MILK BEVERAGE SỮA TIẾT TRÙNG HƯƠNG SÔ CÔ LA

STORAGE: Unopened long life milk will keep until best before date shown. Once opened keep refrigerated between 2 - 4 °C and consume within 7 days.

BẢO QUẢN: Khi sữa không mở nắp thì hạn sử dụng được kéo dài cho đến ngày hết hạn in trên bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ từ 2 độ C đến 4 độ C sau khi mở bao bì và sử dụng hết trong 7 ngày. **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng trực tiếp và ngon hơn khi uống lạnh.

CONDITION DE STOCKAGE: Lorsqu'il n'est pas ouvert, le lait se conserve jusqu'à la date limite indiquée sur l'emballage. Après ouverture, à conserver au réfrigérateur entre 2-4°C et à consommer dans les 7 jours.

**Product of Australia /
Produit d'Australie /
Xuất xứ: Úc**
**Manufactured for /
Fabrique pour /
Sản xuất cho:**
Goodman Fielder
30 Moorebank Ave,
Moorebank NSW 2170,
Australia.
By / Pour / Sản xuất bởi:
Winmar's Dairy Australia
55 Distribution Drive,
Inverloch, VIC, 31029,
Australia.
Phone: + 61 3 8323 1000
**or queries or
comments contact:**
**Goodman Fielder Customer
Advisory Centre on**
ma@goodmanfielder.com.au
© CB: 24/MILMAY CLV/2019

Imported by / Importé par :
Goodman Fielder Nouvelle-Calédonie
Lot n°91, section Boulard - 98809 Mont-Dore
Tel: +687 28 00 93
Goodman Fielder Pre-Ltd
56 Neil Road Singapore 088830
Tel: + 65 6216 0241
Yihai Kerry (Hong Kong) Ltd.
31/F Kerry Centre 683 King's Road, Quarry
Bay, Hong Kong Tel: + 852 2697-7330
Winmar Edible Oils Philippines, INC.
28th Floor, JKG Tower 601, Ayala Avenue
Makati City 1226 Philippines
+ 63 2 856 1937
**Imported & distributed by /
Nhập khẩu và phân phối bởi:**
Công ty TNHH Winmar Marketing CLV
Tầng 10, tòa nhà CornerStone, số 16 phố
Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: + 84 024 37669726

Nutrition Information / Valeurs Nutritionnelles Thông Tin Dinh Dưỡng Trung Bình

Servings per pack / Nombre de portions par briquette: 1

Serving size: 200 ml	Amount per serving** (per serving)	% NRV* (per serving)	Amount per 100 ml** (per 100 ml)
Energy	664kJ 158kcal		332kJ 79kcal
Protein	5.4g		2.7g
Fat, total	4.6g		2.3g
Saturated	3.2g		1.6g
Trans	0.2g		0.1g
Cholesterol	16mg		8mg
Carbohydrate	23.6g		11.8g
Sugars	23.4g		11.7g
Dietary fibre	0.0g		0.0g
Sodium	90mg		45mg
Calcium	218mg	22%	109mg

*% NRV VALUES ARE BASED ON 2000 KJAL DIET, 1000 µg OF CALCIUM
**DECLARATIONS BASED ON THE AVERAGE NATURAL COMPOSITION OF MILK.
VALUES MAY FLUCTUATE DEPENDING ON SEASONAL VARIATION.

INGREDIENTS/THÀNH PHẦN: FRESH MILK (68%), WATER, SUGAR, MILK
PROTEIN, COCOA POWDER (0.4%), NATURAL CHOCOLATE FLAVOUR,
EMULSIFIER (E471), STABILISERS (E407, E412) / SỮA Tươi (68%), NƯỚC,
ĐƯỜNG, PROTEIN SỮA, BỘT CACAÔ (0.4%), HƯƠNG SÔCÔLA TỰ NHIÊN,
CHẤT NHƯ HÓA (INS471), CHẤT ỔN ĐỊNH (INS407, INS412)
INGREDIENTS: LAIT (68%), EAU, SUCRE, PROTÉINES DE LAIT,
POUDRE DE CACAÔ (0.4%), ARÔME NATUREL DE CHOCOLAT,
EMULSIFIANT (E471), STABILISANT (E407, E412)
CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHÍNH: HÀM LƯỢNG PROTEIN SỮA ≥ 2.7 %
CONTAINS FOOD ALLERGEN: MILK / SẢN PHẨM KHÔNG DÙNG CHO NGƯỜI DỊ
ỨNG VỚI CÁC THÀNH PHẦN CỦA SỮA / CONTIENT DU LAIT COMME INDICQUÉ EN
GRAS / NOT SUITABLE FOR CHILDREN UNDER 1 YEAR OF AGE / KHÔNG SỬ DỤNG
CHO TRẺ DƯỚI 1 TUỔI / NE CONVIENT PAS AUX ENFANTS DE MOINS D'UN AN



Sản phẩm:

SỮA TIẾT TRÙNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH

Thành phần:

Sữa tươi (68 %), nước, đường, protein sữa, bột cacao (0,4 %), hương sô-cô-la tự nhiên, chất nhũ hóa (471), chất ổn định (407, 412).

Chỉ tiêu chất lượng chính:

Hàm lượng protein sữa: $\geq 2,7$ %

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng trực tiếp và ngon hơn khi uống lạnh

Bảo quản:

Khi sữa không mở nắp thì hạn sử dụng được kéo dài cho đến ngày hết hạn sử dụng in trên bao bì. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 2°C đến 4 °C sau khi mở bao bì và sử dụng hết trong 7 ngày.

Thể tích thực: 200 ml

Xuất xứ: Úc

Sản xuất bởi: Nature's Dairy Australia

Địa chỉ: 25 Distribution Drive, Truganina, VIC, 3029, Australia.

Nhập khẩu và phân phối bởi:

CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Cornerstone, số 16 Phố Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (024) 37669726

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng: Ghi trên bao bì.

Số CB: 24/WILMAR CLV/2019



CASE

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN19071038
MM19073011

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 – LBH 00
Ngày/Date : 15/08/2019

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE - SỐ 16 PHỐ PHAN CHU TRINH - PHƯỜNG PHAN CHU TRINH - QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TIẾT TRỪNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/07/2019
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 24/07/2019

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin M ₁	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0033 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duyệt

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

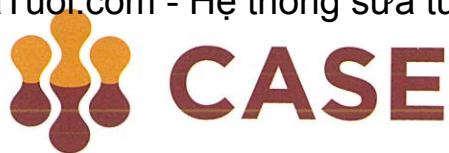
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
(02) Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(02) 18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(02) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.292) 3918216 - 217 - 218
(84.292) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(02) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.258) 246 5255
(84.258) 246 5355
vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN19071038 MM19073011	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMKD 03/1 – LBH 00 Ngày/Date : 15/08/2019
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV**
Địa chỉ/ Address : **TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE - SỐ 16 PHỐ PHAN CHU TRINH - PHƯỜNG PHAN CHU TRINH - QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA TIẾT TRỪNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **16/07/2019**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **24/07/2019**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
2	Sn	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 1	CASE.TN.0021 (Ref. AOAC 985.16)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(☎) 18001105
(☎) (84.28) 3911 7216
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(☎) F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(☎) (84.292) 3918219
(✉) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(☎) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(☎) (84.258) 246 5255
(☎) (84.258) 246 5355
(✉) vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN19071038
MM19073011

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 – LBH 00
Ngày/Date : 15/08/2019

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE - SỐ 16 PHỐ PHAN CHU TRINH - PHƯỜNG PHAN CHU TRINH - QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TIẾT TRÙNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/07/2019
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 24/07/2019

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aldrin và Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (GC/MS/MS) (*)
2	Cyfluthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (GC/MS/MS) (*)
3	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (GC/MS/MS) (*)
4	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,003	CASE.SK.0111 (GC/MS/MS) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH
9/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
9/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
9/ STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmientrung@case.vn



CASE

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN19071038
MM19073011

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 – LBH 00
Ngày/Date : 15/08/2019

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV**
Địa chỉ/ Address : **TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE - SỐ 16 PHỐ PHAN CHU TRINH - PHƯỜNG PHAN CHU TRINH - QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA TIỆT TRÙNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **16/07/2019**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **24/07/2019**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Enterobacteriaceae	CFU/ml	< 01	ISO 21528-2:2017 (*)
2	Listeria monocytogenes	CFU/ml	< 01	ISO 11290-2:2017 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

ThS. Lương Sơn Tùng

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Trưởng Huỳnh Anh Vũ

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TU SỞ CHÍNH

71 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

☎ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

☎ STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN19071038 MM19073011	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMKD 03/1 – LBH 00 Ngày/Date : 15/08/2019
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE - SỐ 16 PHỐ PHAN CHU TRINH - PHƯỜNG PHAN CHU TRINH - QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TIỆT TRÙNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/07/2019
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 24/07/2019

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Benzyl penicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 2	CASE.SK.0010 (LC-MS/MS) (*)
2	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS) (*)
3	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS) (*)
4	Procaine Benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 2	CASE.SK.0010 (LC-MS/MS) (*)
5	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	CASE.SK.0029 (*)
6	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	CASE.SK.0007 (LC/MS/MS) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.NC.0032 (Elisa)
8	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.NC.0056 (Elisa) (*)
9	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 5	CASE.NC.0032 (Elisa) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duyệt

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.



CASE

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN19071038
MM19073011

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

BMKD 03/1 – LBH 00
Ngày/Date : 15/08/2019

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH WILMAR MARKETING CLV
Địa chỉ/ Address : TẦNG 10 - TÒA NHÀ CORNERSTONE - SỐ 16 PHỐ PHAN CHU TRINH - PHƯỜNG PHAN CHU TRINH - QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Tên mẫu/ Name of sample : SỮA TIỆT TRÙNG HƯƠNG SÔ-CÔ-LA NHÃN HIỆU MEADOW FRESH
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Dạng lỏng, đựng trong hộp giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/07/2019
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 24/07/2019

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Ca	mg/100ml	87	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)(*)
2	Na	mg/100ml	33	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)(*)
3	Carbohydrate	g/100ml	12,4	CASE.NS.0079 (Food and Drugs Administration)(*)
4	Chất béo	g/100mL	2,24	TCVN 6688-1:2007 (ISO 8262-1:2005) (*)
5	Dietary Fiber	g/100ml	0,395	CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)
6	Đường tổng	g/100mL	11,3	CASE.NS.0066
7	Năng lượng	kcal/100ml	80,4	CASE.NS.0079 (Food and Drugs Administration)(*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
8	Protein	g/100mL	2,71 (Total Nitrogen x 6,38)	TCVN 8099-1:2015
9	Cholesterol	mg/100mL	0,7	CASE.SK.0012_GC(*)
10	Saturated fat	g/100mL	1,43	CASE.SK.0107_GC (*)
11	Trans fat	g/100ml	0,010	CASE.NC.0009

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.